

**BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN
TẠI KỲ HỌP THỨ 9 HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN
(THÁNG 12/2019)**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT
Ước thực hiện thu chi ngân sách năm 2019
và dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

I. Thu ngân sách:

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2019 ước thực hiện (không tính ghi thu ghi chi) là **4.363,380 tỷ đồng**; đạt **132,63%** dự toán pháp lệnh (3.290 tỷ đồng) và bằng **137,80%** so với năm 2018 (3.166,438 tỷ đồng).

* Các khoản thu đều đạt và vượt so với chỉ tiêu pháp lệnh như:

- Thuế Công thương nghiệp: **1.550,380 tỷ đồng**, đạt **119,26%** dự toán (1.300 tỷ đồng) và bằng **145,42%** so với năm 2018 (1.066,173 tỷ đồng).

- Lệ phí trước bạ: **360,000 tỷ đồng**, đạt **92,31%** dự toán (390 tỷ đồng) và bằng **110,71%** so với năm 2018 (325,162 tỷ đồng); trong đó lệ phí trước bạ nhà đất là 105,000 tỷ đồng, đạt 158,37% dự toán (66,300 tỷ đồng) và bằng **69,25%** so với năm 2018 (151,618 tỷ đồng).

- Thuế thu nhập cá nhân: **715,000 tỷ đồng**, đạt **100,00%** dự toán (715 tỷ đồng) và bằng **122,56%** so với năm 2018 (583,409 tỷ đồng).

- Tiền thuê đất: **150,000 tỷ đồng**, đạt **187,50%** dự toán (80 tỷ đồng) và bằng **182,90%** so với năm 2018 (82,013 tỷ đồng).

- Tiền sử dụng đất: **1.350,000 tỷ đồng**, đạt **192,86%** dự toán (700 tỷ đồng) và bằng **157,71%** so với năm 2018 (855,985 tỷ đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: **20,000 tỷ đồng** đạt **200,00%** dự toán (10,000 tỷ đồng) và bằng **158,33%** so với năm 2018 (12,632 tỷ đồng).

- Phí - lệ phí (không tính Lệ phí môn bài): **26,000 tỷ đồng**, đạt **82,02%** dự toán (31,700 tỷ đồng) và bằng **110,54%** so với năm 2018 (23,520 tỷ đồng).

- Lệ phí Môn bài: **24,000 tỷ đồng**, đạt **131,15%** dự toán (18,300 tỷ đồng) và bằng **130,27%** so với năm 2018 (18,423 tỷ đồng)..

- Thu khác: **168,000 tỷ đồng**, đạt **373,33%** dự toán (45,000 tỷ đồng) và bằng **117,39%** so với năm 2018 (143,115 tỷ đồng).

2. Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 ước thực hiện (không tính ghi thu ghi chi) là **1.484,640 tỷ đồng**, đạt **202,43%** dự toán quận giao (733,391 tỷ đồng) và bằng **119,36%** so với năm 2018 (1,243,807 tỷ đồng). Nếu trừ thu chuyển nguồn (105,693 tỷ đồng) và kết dư (566,692 tỷ đồng) là 812,255 tỷ đồng, đạt **110,75%** dự toán (733,391 tỷ đồng) và bằng **97,91%** so với năm 2018 (829,585 tỷ đồng).

Trong đó:

- Thu điều tiết ngân sách địa phương: **476,128 tỷ đồng**, đạt **153,80%** dự toán đầu năm (309,576 tỷ đồng) và bằng **97,21%** so với năm 2018 (489,816 tỷ đồng).

- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: **336,127 tỷ đồng**, đạt **110,77%** dự toán (303,457 tỷ đồng) và bằng **98,93%** so với năm 2018 (339,769 tỷ đồng).

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2019 ước thực hiện (không tính ghi thu ghi chi) là **774,510 tỷ đồng**, đạt **105,61%** dự toán thành phố giao (733,391 tỷ đồng) và bằng **114,38%** so với năm 2018 (677,115 tỷ đồng).

1. Chi đầu tư phát triển: **58,910 tỷ đồng**, đạt **97,18%** kế hoạch giao (60,617 tỷ đồng), bằng **85,46%** so năm 2018 (68,929 tỷ đồng).

2. Chi thường xuyên: **715,600 tỷ đồng** đạt **100,25%** dự toán (713,811 tỷ đồng) và bằng **117,66%** so với năm 2018 (608,186 tỷ đồng).

Trong đó:

a) Chi ngân sách quận: **697,532 tỷ đồng** đạt **97,72%** dự toán (713,811 tỷ đồng); trong đó chi bổ sung cho ngân sách phường là 96,699 tỷ đồng.

b) Chi ngân sách phường: **114,767 tỷ đồng** đạt **123,08%** dự toán (115,527 tỷ đồng).

Chi tiết các nội dung chi như sau:

Đvt: tỷ đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán 2019	Ước thực hiện 2019	So sánh	
				ƯTH/DT	Năm 2018
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	733,391	774,510	105,61%	114,38%
	Tổng cộng (trừ ghi chi)	733,391	774,510	105,61%	114,38%
I	Chi đầu tư phát triển	60,617*	58,910	97,18%	85,46%
II	Chi thường xuyên	733,391	715,600	102,82%	117,66%
1	Sự nghiệp kinh tế	105,915	95,840	97,57%	193,05%
2	SN Giáo dục - Đào tạo	299,960	300,792	100,28%	140,92%
3	Sự nghiệp Y tế	56,307	46,098	81,87%	140,51%
4	Văn hóa Nghệ thuật	8,654	9,312	107,60%	134,55%
5	Thể dục thể thao	3,194	3,270	102,38%	125,10%
6	Sự nghiệp Xã hội	34,826	34,567	99,26%	108,00%
7	QLNN, Đảng, Đoàn thể	165,982	170,767	102,88%	136,61%
8	ANQP và TTAT Xã hội	33,485	35,409	105,75%	127,66%
9	Chi khác	11,640	19,545	169,12%	158,80%
10	Chi CCTL				
11	Dự phòng NS	13,428	-	-	-
III	Số ghi chi	-	-	-	-

(*) Kế hoạch vốn đầu tư Ủy ban nhân dân quận giao điều chỉnh năm 2019 (không cộng vào tổng dự toán năm 2019 quận giao).

III. Nhận xét, đánh giá:

1. Thu ngân sách:

- Ngay từ đầu năm Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận 2 đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2019; tăng cường công tác quản lý thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời động viên các nguồn lực vào ngân sách nhà nước. Ban chỉ đạo tăng cường quản lý thu, chống thất thu của quận thường xuyên duy trì hoạt động, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho Chi cục Thuế quận và Hội đồng tư vấn thuế các phường; kiểm tra tình hình thu ngân sách của 11 phường; tổ chức làm việc với các Đội thuế thuộc Chi cục Thuế quận 2 nhằm đánh giá lại cách thức tổ chức quản lý, kiểm tra để điều chỉnh phù hợp; vận động người dân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước; gặp gỡ, lắng nghe, trao đổi với các doanh

nghiệp trên địa bàn nhằm nắm bắt, tháo gỡ khó khăn tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh thuận lợi.

- Ước cả năm 2019, ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính ghi thu) là **4.363,380 tỷ đồng**; đạt **132,63%** dự toán pháp lệnh (3.290 tỷ đồng) và bằng **137,80%** so với năm 2018 (3.166,438 tỷ đồng). Các khoản thu đạt và vượt dự toán; riêng lệ phí trước bạ ước thực hiện **360,000 tỷ đồng**, đạt **92,31%** dự toán (390 tỷ đồng) và bằng **110,71%** so với năm 2018 (325,162 tỷ đồng), phí - lệ phí ước thực hiện **26,000 tỷ đồng**, đạt **82,02%** dự toán (31,7 tỷ đồng) và bằng **110,54%** so với năm 2018 (23,520 tỷ đồng), mặc dù chưa đạt dự toán nhưng kết quả cho thấy số thu đạt tăng cao so với năm 2018 (*lệ phí trước bạ tăng 34,838 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,71%; phí - lệ phí tăng 2,48 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,54%*).

- Số thu ngân sách địa phương tăng cao, ước năm 2019 là 1.484,640 tỷ đồng, đạt 202,43% so dự toán (733,391 tỷ đồng); trong đó, thu điều tiết ngân sách địa phương là **476,128 tỷ đồng**, đạt **153,80%** dự toán đầu năm (309,576 tỷ đồng) và bằng **97,21%** so với năm 2018 (489,816 tỷ đồng) chủ yếu điều tiết từ nguồn thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

2. Chi ngân sách:

- Chi ngân sách đảm bảo các nhiệm vụ theo chính sách, chế độ, trợ cấp đối tượng xã hội, an ninh quốc phòng, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Ủy ban nhân dân quận đã có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tất cả các đơn vị thuộc quận thực hiện dự toán ngân sách năm 2019 và tập trung thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; triệt để tiết kiệm chi tiêu các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy nhà nước và chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công, điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách, đặc biệt sắp xếp chi các chế độ ưu tiên như chính sách an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, y tế - giáo dục đáp ứng kịp thời, góp phần tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

- Đối với chi đầu tư, Ủy ban nhân dân quận tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư, thanh quyết toán các công trình hoàn thành, chủ động rà soát tập trung nguồn vốn ưu tiên đầu tư cho những công trình phúc lợi công cộng, nhất là các công trình giáo dục. Quận thường xuyên kiểm tra thực địa, họp Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án và trong công tác bồi thường, tái định cư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thông qua công tác giám sát, đánh giá đầu tư, căn cứ khối lượng thực tế thực hiện và tiến độ của dự án để cắt giảm hoặc điều chuyển vốn từ công trình không có khả năng thực hiện hoặc khối lượng thực hiện thấp sang các công

trình có khả năng hoàn thành nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sử dụng vốn hiệu quả.

Nhìn chung, công tác quản lý thu - chi ngân sách đảm bảo đúng luật, đúng chế độ, chính sách, chủ động cân đối thu - chi và có tích lũy tăng cường tính hiệu quả trong chi tiêu ngân sách; cân đối chặt chẽ nguồn thu và nhiệm vụ chi, để nguồn cho chi đầu tư phát triển phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của quận.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Năm 2020, thành phố giao dự toán thu ngân sách nhà nước cho quận 2 là **3.816 tỷ đồng**, bằng 115,99% so dự toán năm 2019 (3.290 tỷ đồng) và bằng 87,46% so ước thực hiện năm 2019 (4.363,380 tỷ đồng).

Ủy ban nhân dân quận tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 của trên địa bàn là: 3.816 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu cân đối ngân sách nhà nước:
 - + Chi tiêu pháp lệnh: **3.816 tỷ đồng**.
- Thu từ nguồn thu để lại chi quản lý qua NSNN: 0 đồng

Cụ thể như sau:

- Thuế Công thương nghiệp: 1.700 tỷ đồng, bằng 130,77% dự toán năm 2019 (1.300 tỷ đồng) và bằng 109,65% so ước thực hiện năm 2019 (1.550,380 tỷ đồng)
- Lệ phí trước bạ: 378 tỷ đồng, bằng 96,92% dự toán năm 2019 (390 tỷ đồng) và bằng 105,00% so ước thực hiện năm 2019 (360 tỷ đồng). *Trong đó lệ phí trước bạ nhà, đất là 64,260 tỷ đồng, bằng 96,92% dự toán năm 2019 (66,300 tỷ đồng) và bằng 61,20% so ước thực hiện năm 2019 (105 tỷ đồng).*
- Thuế thu nhập cá nhân: 700 tỷ đồng, bằng 97,90% dự toán năm 2019 (715 tỷ đồng) và bằng 97,90% so ước thực hiện năm 2019 (715 tỷ đồng)
- Tiền sử dụng đất: 700 tỷ đồng, bằng 100% dự toán năm 2019 (700 tỷ đồng) và bằng 51,85% so ước thực hiện năm 2019 (1.350 tỷ đồng)
- Tiền thuê đất: 200 tỷ đồng, bằng 250% dự toán năm 2019 (80 tỷ đồng) và bằng 133,33% so ước thực hiện năm 2019 (150 tỷ đồng)

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 9 tỷ đồng, bằng 90% dự toán năm 2019 (10 tỷ đồng) và bằng 45% so ước thực hiện năm 2019 (20 tỷ đồng)

- Phí - Lệ phí: 48,7 tỷ đồng, bằng 153,63% dự toán năm 2019 (31,7 tỷ đồng) và bằng 187,31% so ước thực hiện năm 2019 (26,0 tỷ đồng)

- Lệ phí Môn bài: 18,3 tỷ đồng, bằng 100% dự toán năm 2019 (18,3 tỷ đồng) và bằng 76,25% so ước thực hiện năm 2019 (24,0 tỷ đồng)

- Thu khác: 62 tỷ đồng, bằng 137,78% dự toán năm 2019 (45 tỷ đồng) và bằng 36,90% so ước thực hiện năm 2019 (168 tỷ đồng)

II. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: **803,112 tỷ đồng** (không tính khoản thu chuyển giao giữa ngân sách cấp quận và ngân sách cấp phường), gồm:

- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 398,649 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 296,175 tỷ đồng.
- Nguồn CCTL cân đối chi thường xuyên: 68,288 tỷ đồng.
- Thu kết dư năm trước: 40 tỷ đồng.

III. Dự toán chi ngân sách năm 2020

1. Nguyên tắc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách năm 2020

Dự toán chi thường xuyên năm 2020 (năm thứ tư của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020) được xây dựng trên nguyên tắc chung như sau:

- Định mức khoán chi quản lý hành chính, định mức phân bổ chi các lĩnh vực **năm 2017 công phần tăng lương** do điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng và **giảm tỷ lệ các khoản đóng góp theo lương**, các tiêu chí khác giữ nguyên như dự toán năm 2017.

- Dự toán chi thường xuyên được xây dựng trên cơ sở mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/người/tháng; trong đó, sử dụng nguồn cải cách tiền lương để đảm bảo nhu cầu chênh lệch tiền lương từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng (tính đủ 12 tháng) của đơn vị. Cụ thể: Cộng phần tăng lương tính theo mốc lương là 1.210.000 đồng (là mốc lương của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách) do điều chỉnh mức lương cơ sở tính trong định mức, các tiêu chí khác giữ nguyên như dự toán năm 2017 (*Năm 2017, Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.300.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ; năm 2018, Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.300.000 đồng lên 1.390.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018; năm 2019, Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.390.000 đồng lên 1.490.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019*). Như vậy, chênh lệch tăng lương so với mức lương tính trong định mức năm 2017 là 280.000 đồng (từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng).

- Dự toán chi thường xuyên được xây dựng trên cơ sở mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/người/tháng; trong đó, sử dụng nguồn cải cách tiền lương để đảm bảo nhu cầu chênh lệch tiền lương từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng (tính đủ 12 tháng) của đơn vị.

- Giảm mức đóng BHXH bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (từ 1% xuống 0,5% theo quy định tại Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức đóng BHXH bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

- Giảm mức hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn đối với cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn từ ngân sách: từ mức 23% x hệ số lương x lương cơ sở xuống mức 19% x lương cơ sở theo Luật BHXH, BHYT, Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn.

- Về kinh phí bố trí đối với biên chế chưa tuyển: Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại điểm d, Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019: "*Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ*". Do đó, định mức giao cho biên chế chưa tuyển thực hiện theo hệ số lương 2,34.

- Về kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố: Căn cứ vào đối tượng đã được quy định tại Điều 2, nguồn kinh phí thực hiện quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố và hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm dự kiến để lập dự toán năm 2020 là 1,2 lần, các phường dự toán nhu cầu, nguồn kinh phí chi thu nhập tăng thêm trong năm. (*Hiện nay, Sở Tài chính đang dự thảo Công văn tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm năm 2020 dự kiến là 1,2 lần để xây dựng dự toán chi trả thu nhập tăng thêm năm 2020 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND*).

Sau khi tính toán hết các nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị, trường hợp đã trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương theo quy định nhưng dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh thu nhập tăng thêm còn thiếu so với nguồn hiện có (tức nhu cầu lớn hơn nguồn); ngân sách quận sẽ bổ sung dự toán kinh phí cho các đơn vị để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

- Về kinh phí thực hiện lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:

Ngày 29/11/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số

loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Tại khoản 5 Điều 3 có quy định sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP như sau:

“Điều 7. Kinh phí thực hiện

*... 2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì kinh phí thực hiện hợp đồng các công việc quy định tại Điều 1 Nghị định này được lấy từ **nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm** của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.”*

Đồng thời, tại Công văn số 867/UBND-KT ngày 12/3/2019 của UBND thành phố về triển khai thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2018 (niên độ ngân sách năm 2017); theo đó *“Sở Tài chính tham mưu UBND thành phố thực hiện việc phân bổ và giao dự toán chi quản lý hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ: ... không khoản kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP...”*

Như vậy, theo quy định hiện hành, người làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ được chi trả lương từ nguồn tài chính ngoài quỹ lương của đơn vị. Và người làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính không được bố trí kinh phí chi hoạt động trong định mức.

a) Đối với khối Quản lý nhà nước quận

- Phần kinh phí tự chủ: căn cứ số biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân quận giao tại Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 và bảng thanh toán lương tháng 11/2019; định mức quản lý hành chính khối quận là 125 triệu đồng/người/năm (đối với biên chế), 93 triệu đồng/người đối với hợp đồng chưa tuyển.

Riêng hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính, chỉ bố trí định mức chi cho con người là 82 triệu đồng/người đối với biên chế có mặt; 50 triệu đồng/người đối với biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển.

b) Đối với khối đoàn thể

- Kinh phí tự chủ: phân bổ theo định mức được thành phố quy định (chi con người tính theo hệ số lương bình quân, kinh phí hoạt động là 53,653 triệu đồng/người/năm), định biên căn cứ vào Thông báo số 870-TB/BTCTU ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Ban Tổ chức Thành ủy, Quyết định giao của Quận ủy và biên chế thực tế theo bảng thanh toán lương tháng 11/2019. Đối với số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, Quỹ tiền lương được dự kiến theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

- Kinh phí không tự chủ: thành phố giao dự toán kinh phí ngoài khoán của đoàn thể là 1.000 triệu đồng /năm, hội đặc thù 500 triệu đồng; tuy nhiên quận phân bổ cao hơn mức của thành phố để đảm bảo hoạt động thực tế của đơn vị.

c) Đối với sự nghiệp kinh tế

Theo nguyên tắc bố trí dự toán của Sở Tài chính:

Những thay đổi trong đơn giá dự toán năm 2020 so với năm 2019 gồm:

+ Áp dụng giá nhiên liệu ngày 23/7/2019 (thời điểm xây dựng số kiểm tra dự toán 2020) là 16.990 đồng/lít.

+ Mức tiền lương tính trong đơn giá SP-DVCI: 3.278.000 đồng/tháng, áp dụng mức lương theo quy định tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

** Cẩn trừ số thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác khi giao dự toán cho quận:* Căn cứ Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018, theo đó trong cơ cấu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có một phần chi phí vận chuyển rác.

Như vậy, kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018, các hộ gia đình và chủ nguồn thải **phải chi trả một phần chi phí** thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận. Do đó, dự toán công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thành phố bố trí cho Ủy ban nhân dân các quận là kinh phí được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành **trừ đi kinh phí phải thu từ các hộ gia đình và chủ nguồn thải** theo quy định tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Tuy nhiên, do hiện nay theo báo cáo của Ủy ban nhân dân các quận, huyện về số lượng hộ gia đình, chủ nguồn thải và khối lượng rác phát thải từ các đối tượng này chưa đầy đủ và không hợp lý. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố không đủ cơ sở tổng hợp, xác định số thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác từ các hộ gia đình, chủ nguồn thải để giảm trừ dự toán thu gom, vận chuyển rác bố trí cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện. Do đó, dự toán năm 2020 thành phố bố trí **chưa bao gồm cẩn trừ số thu giá dịch vụ** nêu trên.

Trong năm 2020, trên cơ sở kết quả làm việc với quận để xác định số thu giá thu gom, vận chuyển rác từ các hộ gia đình, chủ nguồn thải trên địa bàn, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ điều chỉnh giảm dự toán chi của quận tương ứng với số tiền dịch vụ phải thu từ hộ gia đình, chủ nguồn thải.

** Về công tác quản lý chất thải rắn đô thị:* Ngày 03/4/2018, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1281/QĐ-UBND về công bố Bộ định mức dự toán công tác quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí

Minh, theo đó lĩnh vực môi trường **phát sinh thêm một số công tác** như: Kinh phí vận hành trạm trung chuyển rác; kinh phí thu gom - vận chuyển nước rỉ rác; kinh phí vệ sinh điểm hẹn bằng xe bồn.

Do đó, đối với các nội dung này, căn cứ đề nghị cụ thể của Ủy ban nhân dân quận (loại trạm trung chuyển, lộ trình thu gom, vận chuyển nước rỉ rác, vệ sinh điểm hẹn bằng xe bồn, đơn giá do Ủy ban nhân dân quận phê duyệt...), Sở Tài chính sẽ rà soát, xác định và bố trí dự toán chi cụ thể các công tác này.

d) Đối với khối Giáo dục và đào tạo: Dự toán thu - chi đơn vị sự nghiệp. Đối với khối giáo dục đảm bảo phân bổ kinh phí con người 80%, hoạt động 20%; bố trí kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị vật dụng phục công tác giảng dạy của các trường 50 triệu đồng/trường (năm 2018, 2019 quận thực hiện bố trí dự toán đầu năm, đã tạo cho các trường sự chủ động trong sử dụng kinh phí, kịp thời mua sắm, sửa chữa nhỏ phục vụ công tác quản lý, giảng dạy: mua công cụ, dụng cụ dạy học, quạt máy, bảng hiệu, sửa chữa vật dụng, thiết bị trường học, nhà vệ sinh...), không phải chờ đợi kinh phí bổ sung để thực hiện.

e) Đối với sự nghiệp y tế

Về chủ trương tổ chức lại “Trung tâm y tế và Bệnh viện quận, huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện” thành “Trung tâm y tế quận, huyện trực thuộc Sở Y tế”: Ngày 11/02/2019, Ủy ban nhân thành phố ban hành Quyết định số 509/QĐ-UBND phê duyệt Đề án tổ chức lại “Trung tâm y tế và Bệnh viện quận, huyện trực thuộc UBND quận, huyện” thành “Trung tâm y tế quận, huyện trực thuộc Sở Y tế”. Theo đó, đến Quý IV năm 2020, tổ chức bàn giao nguyên trạng Bệnh viện quận 2 và Trung tâm y tế quận 2 về Sở Y tế quản lý theo quy định. Do đó, đối với dự toán năm 2020:

- Bệnh viện quận 2: không bố trí dự toán chi thường xuyên.

- Trung tâm Y tế quận 2: bố trí dự toán thu - chi đơn vị sự nghiệp khối y tế.

Ngoài ra, sự nghiệp y tế bố trí chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

f) Đối với sự nghiệp xã hội: Bố trí kinh phí đảm bảo chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn theo mức quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và bố trí kinh phí hỗ trợ Bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Quyết định số 4271/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Đối với khối phường

- Kinh phí tự chủ: giao dự toán theo định mức quản lý hành chính khối phường 90 triệu đồng/người (cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán năm 2020); 84 triệu đồng/người/năm đối với hợp đồng chưa tuyển.

Về số lượng biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường: Ngày 24 tháng 4 năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ở tổ dân phố (trước đây quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ); trong đó **điều chỉnh số lượng và chế độ đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã.** Hiện nay, Sở Nội vụ đang tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định về số lượng và một số chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (Sở Nội vụ đang khảo sát để lấy ý kiến dự thảo chế độ, chính sách cho đối tượng này). Do đó:

+ Đối với cán bộ, công chức phường: Bố trí dự toán theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Nếu biên chế cán bộ, công chức thực tế có mặt thấp hơn biên chế kế hoạch (được Ủy ban nhân dân quận 2 giao tại Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2019) thì được tính thêm 10% biên chế kế hoạch nhưng không vượt quá số biên chế kế hoạch được giao năm 2019 (10% được tính trên biên chế kế hoạch năm 2019) và không vượt quá số lượng biên chế theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP; trường hợp số biên chế thực tế có mặt (trong chỉ tiêu biên chế kế hoạch) vượt số biên chế đã giao dự toán, số biên chế tăng thêm so với biên chế đã giao dự toán được bổ sung kinh phí theo tiến độ.

+ Đối với người hoạt động không chuyên trách phường: Theo hướng dẫn của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân quận tạm thời bố trí kinh phí theo số lượng người hoạt động không chuyên trách phường theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP (số biên chế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán năm 2020). Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Quyết định điều chỉnh số lượng người hoạt động không chuyên trách theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP; trên cơ sở số lượng biên chế được giao, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận sẽ tham mưu điều chỉnh giảm dự toán kinh phí đã bố trí cho ngân sách phường.

- Kinh phí ngoài khoán: Kinh phí hoạt động ngoài khoán cho mỗi phường ổn định 900 triệu đồng/phường; 03 phường giải tỏa là 350 triệu đồng/phường. Kinh phí hoạt động ngoài khoán của phường được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động Mặt trận Tổ quốc phường, đoàn thể, hội, khu phố, tổ dân phố, hỗ trợ các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, y tế, giáo dục, văn hóa...

- Tăng mức trợ cấp đối với cán bộ xã, phường, thị trấn thuộc diện 130/CP, 111-HĐBT theo Thông tư số 09/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với cán bộ xã nghi việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Điều chỉnh mức chi trợ cấp, phụ cấp cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Dân quân tự vệ; nâng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp trách nhiệm, trợ cấp trang phục đối với lực lượng Bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Tăng kinh phí mua báo Sài Gòn Giải phóng do điều chỉnh giá bìa (từ 3.500 đồng/tờ lên 5.500 đồng/tờ tiếng Việt) theo Kết luận của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 841-TB/VPTU ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Thành ủy.

- Điều chỉnh tăng mức chi trợ cấp trang phục cho lực lượng Bảo vệ dân phố theo Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh trợ cấp trang phục đối với lực lượng bảo vệ dân phố.

- Kinh phí điện chiếu sáng dân lập theo số liệu khảo sát thực tế của phòng Quản lý đô thị quận, Công ty Điện lực Thủ Thiêm và các phường.

- Bố trí kinh phí phân loại chất thải rắn tại nguồn: 500 triệu đồng/phường.

- Bố trí kinh phí khuyến khích hòa táng theo Công văn số 4962/UBND-TH ngày 28 tháng 11 năm 2019 và Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Dự toán chi ngân sách năm 2020

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020 là **803,112 tỷ đồng** (không tính khoản chi chuyển giao giữa ngân sách cấp quận và ngân sách cấp phường, chưa tính chi đầu tư phát triển). Trong đó:

- Sự nghiệp kinh tế: 119,305 tỷ đồng.
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 327,709 tỷ đồng.
- Sự nghiệp y tế: 61,293 tỷ đồng.
- Văn hóa nghệ thuật: 8,309 tỷ đồng.
- Thể dục thể thao: 5,617 tỷ đồng.
- Sự nghiệp xã hội: 34,196 tỷ đồng.
- Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể: 187,394 tỷ đồng.
- Quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội: 33,348 tỷ đồng.
- Chi khác: 12,513 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách: 13,428 tỷ đồng.

Cụ thể như sau:

a) Chi ngân sách cấp quận: 779,772 tỷ đồng (nếu loại trừ khoản chi chuyển giao giữa ngân sách quận và ngân sách phường - chi bổ sung cân đối ngân sách phường 96,064 tỷ đồng, thì chi ngân sách cấp quận là 683,708 tỷ đồng).

b) Chi ngân sách cấp phường (11 phường): 119,404 tỷ đồng (trong đó dự phòng ngân sách phường: 2,224 tỷ đồng).

c) Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp quận cho ngân sách cấp phường: 96,064 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2020 là 803,112 tỷ đồng, tăng 9,51% so với dự toán năm 2019 (733,391 tỷ đồng); trong đó tăng tập trung ở hầu hết lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao, sự nghiệp xã hội, quản lý nhà nước - đảng - đoàn thể, an ninh - quốc phòng... Nguyên nhân chủ yếu là tăng lương cơ sở và thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh từ nguồn kết dư ngân sách quận.

* Đề đảm bảo cân đối thu chi dự toán ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân quận dự kiến tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020 là: 803,112 tỷ đồng; trong đó:

- Sử dụng từ dự toán chi ngân sách năm 2020 thành phố dự kiến bố trí cho quận: 763,112 tỷ đồng.

- Sử dụng từ nguồn kết dư ngân sách quận phân bổ thêm cho một số lĩnh vực để thực hiện các nhiệm vụ cần thiết, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các phường trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội và các nội dung khác theo chỉ đạo của thành phố, của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận nhưng chưa được giao dự toán đầu năm: 40 tỷ đồng (bố trí dự toán chi các lĩnh vực và chi khác ngân sách quận): Thuê camera đảm bảo an ninh trật tự tại cơ quan, đơn vị và thuê bao đường truyền kết nối trung tâm hầm: 950 triệu đồng; kinh phí đo vẽ đất công: 970 triệu đồng; kinh phí bảo trợ xã hội từ nguồn quận: 2 tỷ đồng; chuyển ủy thác Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với quận có số thu trên 1.000 tỷ đồng: 02 tỷ đồng; kinh phí chỉnh lý và số hóa tài liệu ở phường: 10 tỷ đồng; kinh phí chỉnh lý tài liệu các phòng thuộc quận: 15 tỷ đồng; kho lưu trữ tập trung: 01 tỷ đồng; mua xe 29 chỗ chở vận động viên cho Trung tâm Thể dục thể thao quận: 1,8 tỷ đồng; dự trừ các khoản phát sinh: 6,280 tỷ đồng (xe công tác Ủy ban nhân dân quận; thường vượt thu ngân sách nhà nước;...)/.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2020

Đơn: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (%) (1)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.039.000	4.363.380	3.816.000	87,46%
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	3.290.000	4.363.380	3.816.000	87,46%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	
3	Thu viện trợ không hoàn lại	-	-	-	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH QUẬN	733.391	1.484.640	803.112	54,09%
I	Thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp	309.576	476.128	398.649	83,73%
	- Các khoản thu ngân sách quận hưởng 100%	103.782	202.687	104.709	51,66%
	- Các khoản thu phân chia NS quận hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	205.794	273.441	293.940	107,50%
II	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	303.457	336.127	296.175	88,11%
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	303.457	303.457	296.175	97,60%
	Thu bổ sung có mục tiêu	-	32.670		
III	Thu kết dư	22.201	566.692	40.000	7,06%
IV	Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi thường xuyên	98.157	-	68.288	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	105.693	-	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	733.391	774.510	803.112	109,51%
I	Chi đầu tư phát triển	-	58.910		
II	Chi thường xuyên	719.963	715.600	789.684	109,68%
III	Dự phòng ngân sách	13.428	-	13.428	100,00%

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2020

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019		Dự toán năm 2020	So sánh (%) (1)
		Dự toán	Ước thực hiện		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
A	NGÂN SÁCH CẤP QUẬN				
I	Nguồn thu ngân sách cấp quận	713.811	1.426.053	779.772	54,68%
1	Thu ngân sách cấp quận hưởng theo phân cấp	294.091	448.275	382.081	85,23%
	- Các khoản thu ngân sách cấp quận hưởng 100%	88.297	174.834	88.141	50,41%
	- Các khoản thu phân chia NS cấp quận hưởng theo tỷ lệ phần trăm	205.794	273.441	293.940	107,50%
2	Thu kết dư	22.201	547.481	40.000	7,31%
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	94.170	-	
4	Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi thường xuyên	94.062	-	61.516	
5	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	303.457	336.127	296.175	88,11%
	- Bổ sung cân đối	303.457	303.457	296.175	97,60%
	- Bổ sung có mục tiêu	-	32.670	-	-
II	Chi ngân sách cấp quận	713.811	697.532	779.772	109,24%
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp quận theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	617.864	600.833	683.708	110,66%
2	Bổ sung cho ngân sách cấp phường	95.947	96.699	96.064	100,12%

STT	Nội dung	Năm 2019		Dự toán năm 2020	So sánh (%) (1)
		Dự toán	Ước thực hiện		
	- Bổ sung cân đối	95.947	95.947	96.064	100,12%
	- Bổ sung có mục tiêu	-	752	-	
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG				
I	Thu ngân sách phường	115.527	160.622	119.404	74,34%
1	Thu ngân sách cấp phường hưởng theo phân cấp	15.485	27.853	16.568	59,48%
2	Thu kết dư	-	19.211	-	
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	11.523	-	
4	Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi thường xuyên	4.095	5.336	6.772	
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp quận	95.947	96.699	96.064	99,34%
	- Bổ sung cân đối	95.947	95.947	96.064	100,12%
	- Bổ sung có mục tiêu	-	752	-	
II	Chi ngân sách phường	115.527	114.767	119.404	103,36%

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Đvt: Triệu đồng

NỘI DUNG	Năm 2019		Dự toán năm 2020	So sánh DT 2020/UTH 2019 (%)
	Dự toán	Ước thực hiện		
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.290.000	4.363.380	3.816.000	87,46%
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN (I+II+III+IV)	3.290.000	4.363.380	3.816.000	87,46%
I - THU NỘI ĐỊA	3.290.000	4.363.380	3.816.000	87,46%
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	-	-	-	-
-Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Lệ phí môn bài	-	-	-	-
- Thu hồi vốn và thu khác	-	-	-	-
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Lệ phí môn bài	-	-	-	-
- Thu hồi vốn và thu khác	-	-	-	-
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-

NỘI DUNG	Năm 2019		Dự toán năm 2020	So sánh DT 2020/UTH 2019 (%)
	Dự toán	Ước thực hiện		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Khí lãi được chia của Chính Phủ Việt Nam	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Lệ phí môn bài	-	-	-	-
- Các khoản thu khác	-	-	-	-
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.300.000	1.550.380	1.700.000	109,65%
- Thuế giá trị gia tăng	673.000	1.037.526	1.140.000	109,88%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	470.300	481.589	493.000	102,37%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	17.200	31.265	26.000	83,16%
- Thuế môn bài	-	-	-	-
- Thu nhập khác ngoài quốc doanh	139.500	-	41.000	
5. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
6. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-	-	-
7. Lệ phí trước bạ	390.000	360.000	378.000	105,00%
8. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	20.000	9.000	45,00%
10. Thuế thu nhập cá nhân	715.000	715.000	700.000	97,90%
11. Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
12. Thu phí, lệ phí	31.700	26.000	48.700	187,31%
13. Lệ phí Môn bài	18.300	24.000	18.300	76,25%
14. Tiền sử dụng đất	700.000	1.350.000	700.000	51,85%
15. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	80.000	150.000	200.000	133,33%
16. Thu tiền bán tài sản	-	-	-	-
17. Thu khác ngân sách	45.000	168.000	62.000	36,90%
18. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-

NỘI DUNG	Năm 2019		Dự toán năm 2020	So sánh DT 2020/UTH 2019 (%)
	Dự toán	Ước thực hiện		
<i>Trong đó:</i>				
+ Do Trung ương cấp	-	-	-	-
+ Do địa phương cấp	-	-	-	-
19. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,tại xã	-	-	-	-
20. Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-
<i>Trong đó: NSDP hưởng 100%</i>	-	-	-	-
<i>NSTW hưởng 100%</i>	-	-	-	-
II - THU TỪ DẦU THÔ	-	-	-	-
III - THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	-	-	-	-
1. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế BVMT hàng hóa nhập khẩu	-	-	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu	-	-	-	-
IV - THU VIỆN TRỢ	-	-	-	-
B. CÁC KHOẢN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI QUẢN LÝ QUA NSNN	-	-	-	-
- Các khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
- Các khoản thu khác	-	-	-	-
TỔNG THU NSDP	733.391	1.484.670	803.112	54,09%
A. CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSDP	733.391	1.484.670	803.112	54,09%
- Các khoản thu 100%	103.782	202.687	104.709	51,66%
- Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	205.794	273.441	293.940	107,50%
- Thu bổ sung từ NS thành phố	303.457	336.157	296.175	88,11%
- Thu chuyển nguồn	-	105.693	-	-
- Nguồn CCTL còn lại cân đối chi thường xuyên	98.157	-	68.288	
- Thu kết dư	22.201	566.692	40.000	7,06%
B. CÁC KHOẢN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI VÀ QUẢN LÝ QUA NSNN	-	-	-	-

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp phường
<i>a</i>	<i>B</i>	<i>l=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	803.112	683.708	119.404
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	803.112	683.708	119.404
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-	-
<i>a</i>	<i>Vốn trong nước</i>	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	-	-
<i>b</i>	<i>Vốn ngoài nước</i>	-	-	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-
II	Chi thường xuyên	789.684	672.504	117.180
	<i>Trong đó:</i>	-	-	-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	327.709	327.709	-
2	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
IV	Dự phòng ngân sách	13.428	11.204	2.224
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	-	-	-
II	Chi chương trình, mục tiêu	-	-	-
	(Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)	-	-	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2020**

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	779.772
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	96.064
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO LĨNH VỰC	683.708
I	Chi đầu tư phát triển	-
	<i>Trong đó:</i>	-
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	-
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-
a	Vốn trong nước	-
	<i>Trong đó:</i>	-
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	-
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	-
b	Vốn ngoài nước	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	672.504
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	327.709
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	-
3	<i>Chi quốc phòng, an ninh</i>	8.700
4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>	61.111
5	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	8.109
6	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</i>	-
7	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>	5.617
8	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>	-

STT	Nội dung	Dự toán
9	Chi sự nghiệp kinh tế	112.853
10	Chi quản lý hành chính - Đảng - Đoàn thể	102.734
11	Chi bảo đảm xã hội	33.378
12	Chi khác	12.293
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
IV	Dự phòng ngân sách	11.204
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi thường xuyên (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng NS cấp quận	Chi CTMT			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ:	683.708	-	671.439	-	-	11.204	1.065	-	1.065	-	-	-	-
A	Các cơ quan, tổ chức	629.871	-	628.806	-	-	-	1.065	-	1.065	-	-	-	-
I	Phòng ban chuyên môn	250.272	-	249.207	-	-	-	1.065	-	1.065	-	-	-	-
1	Văn phòng HĐND và UBND	13.169	-	13.169	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phòng Nội vụ	37.465	-	37.465	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Phòng Quản lý đô thị	61.577	-	61.577	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	6.539	-	6.539	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Phòng Y tế	3.098	-	2.033	-	-	-	1.065	-	1.065	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi thường xuyên (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng NS cấp quận	Chi CTMT			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
6	Đảm bảo xã hội	900	-	900	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	QLNN-Dâng-Đoàn thể	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Các khoản khác	12.337	-	12.337	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
C	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương													
D	Dự phòng NS cấp quận	11.204					11.204							
1	Kinh phí cúm gia cầm	500					500							
2	Nhiệm vụ cấp bách phát sinh	10.704					10.704							
E	Đầu tư xây dựng													

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2020

Dvt: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Tổng thu NS phường được hưởng theo phân cấp	Nguồn CCTL cân đối chi thường xuyên	Dự toán chi NS phường	Số bổ sung từ ngân sách cấp quận		
						Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	TỔNG SỐ	230.568	16.568	6.772	119.404	96.064	96.064	-
1	Phường An Khánh	-	-	148	5.638	5.490	5.490	-
2	Phường An Lợi Đông	9.830	90	112	5.316	5.114	5.114	-
3	Phường An Phú	61.371	3.051	442	14.281	10.788	10.788	-
4	Phường Bình An	18.633	1.713	790	12.827	10.324	10.324	-
5	Phường Bình Khánh	5.289	409	150	9.734	9.175	9.175	-
6	Phường Bình Trưng Đông	7.085	1.265	163	13.461	12.033	12.033	-
7	Phường Bình Trưng Tây	17.317	1.657	566	13.855	11.632	11.632	-
8	Phường Cát Lái	7.478	1.808	357	12.358	10.193	10.193	-
9	Phường Thạnh Mỹ Lợi	10.670	2.280	473	12.594	9.841	9.841	-
10	Phường Thảo Điền	92.655	4.055	3.212	14.256	6.989	6.989	-
11	Phường Thủ Thiêm	240	240	359	5.084	4.485	4.485	-